TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B- LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **46**/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 05 - 10 - 2018.
V/v tranh chấp: *Ly hôn giữa chị H và anh V.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B- TỈNH LÂM ĐỒNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Nguyễn Đức Trường**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: - Bà **Lê Thị Sáu**
  - Bà **Phan Thị Hà**
- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Trương Quang Vũ**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà**- Kiểm sát viên.

Ngày **05** tháng **10** năm **2018** tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 31/2018/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Thu H** sinh năm: 1992
Địa chỉ cư trú: Thôn 9, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Trần V** sinh năm: 1987
HKTT: Thôn 9, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.
Địa chỉ tạm trú: Thôn 1A, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 02 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H và bị đơn anh Trần V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh V tự nguyện tìm hiểu, yêu C1 và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND Xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 09/12/2014, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới.

Chị H cho rằng anh V không chịu làm ăn, chăm lo cho gia đình mà thường xuyên bỏ nhà đi chơi cờ bạc từ đó vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, không còn tình cảm với nhau. Mâu thuẫn kéo dài nhiều năm không thể hàn gắn được. Hiện nay anh V đang nghiện ma túy. Chị H cho rằng vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H cương quyết yêu cầu được ly hôn.

Anh V cho rằng mâu thuẫn phát sinh chủ yếu là do anh V muốn đi làm ăn xa nhưng chị H không đồng ý; lúc anh V đi làm ăn xa gửi tiền về nhà ít nên vợ chồng có

mâu thuẫn và cãi vã. Anh V cho rằng hiện nay vợ chồng vẫn còn chung sống và lâu lâu anh V vẫn lên thăm chị H, anh V vẫn còn tình cảm với chị H nên không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là cháu Trần Ngọc Hoài C1, sinh ngày 14/11/2014 và Trần Hoàng Bảo C2, sinh ngày 03/12/2016.

Chị H cho rằng hiện nay anh V đang nghiện ma túy không có khả năng nuôi con nên chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh V thì yêu cầu được nhận nuôi dưỡng cháu C1 và đồng ý giao cháu C2 cho chị H nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị H trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết. Còn anh V cho rằng vợ chồng có tài sản chung nhưng chưa được chứng nhận quyền sử dụng đất nên nếu giải quyết ly hôn thì đề nghị chia tài sản chung cho 02 con chung.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đề nghị:

- Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H; xử cho chị H được ly hôn với anh V;

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Trần Ngọc Hoài C1, sinh ngày 14/11/2014 và Trần Hoàng Bảo C2, sinh ngày 03/12/2016 cho chị H có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên;

Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung;

- Về tài sản chung: Chị H trình bày không có và không yêu cầu nên không đề cập đến.

Anh V trình bày có tài sản chung nhưng đề nghị chia cho 02 con chung là không có cơ sở nên đề nghị tách ra để giải quyết bằng một vụ án khác khi anh V có yêu cầu;

- Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến;

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:** Chị Phạm Thị Thu H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về tranh chấp "*Ly hôn*" với anh Trần V. Anh Trần V có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng là nơi giải quyết vụ án. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Trần V vắng mặt lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần V là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị H và anh V tự nguyện tìm hiểu, yêu C1 và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND Xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 09/12/2014, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh V là hoàn toàn hợp pháp.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Chị H cho rằng quá trình chung sống anh V không chịu làm ăn để chăm lo cho gia đình, vợ con mà thường xuyên bỏ nhà đi chơi cờ bạc, hiện nay anh V đang là đối tượng nghiện ma túy. Mâu thuẫn kéo dài nhiều năm không thể hàn gắn được. Chị H cho rằng vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, chị H đã làm đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án. Còn anh V thì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu là do bất đồng về làm ăn kinh tế; anh V vẫn còn tình cảm với chị H nên không đồng ý ly hôn, mặc dù Tòa án đã triệu tập anh V đến làm việc nhưng anh V cố tình không đến, điều đó chứng tỏ anh V không còn tình cảm với chị H và anh V cũng không có nguyện vọng muốn được trở về đoàn tụ với chị H để xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H; xử cho chị H được ly hôn với anh V.

- *Về con chung*: Chị H và anh V thống nhất trình bày, quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Ngọc Hoài C1, sinh ngày 14/11/2014 và Trần Hoàng Bảo C2, sinh ngày 03/12/2016.

Chị H cho rằng hiện nay anh V đang nghiện ma túy không có khả năng nuôi con nên chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh V thì yêu cầu được nhận nuôi dưỡng cháu C1 và đồng ý giao cháu C2 cho chị H nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy: Hiện nay cả 02 con chung đều đang còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Chị H cho rằng chị có đủ điều kiện về kinh tế để thuận tiện cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung sinh sống và ăn học một cách đầy đủ nhất. Anh V lại đang là đối tượng nghiện ma túy do Công an xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận quản lý nên để không ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại cũng như tâm lý của các cháu Hội đồng xét xử xét thấy cần giao 02 con chung cho chị H có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên.

- *Về cấp dưỡng*: Chị H không yêu cầu nên anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị H trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết. Còn anh V cho rằng vợ chồng có tài sản chung nhưng chưa được chứng nhận quyền sử dụng đất nên nếu giải quyết ly hôn thì đề nghị chia tài sản chung cho 02 con chung. Yêu cầu của anh V là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Nếu sau này anh V có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

- *Về án phí:* Buộc chị H phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về "*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*". Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thu H đối với anh Trần V về tranh chấp "*Ly hôn*".

Xử cho chị Phạm Thị Thu H được ly hôn với anh Trần V.

2/ Về con chung:

Giao 02 con chung là cháu Trần Ngọc Hoài C1, sinh ngày 14/11/2014 và Trần Hoàng Bảo C2, sinh ngày 03/12/2016 cho chị Phạm Thị Thu H có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên.

Anh Trần V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3/ Về tài sản chung:

Chị Phạm Thị Thu H trình bày vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Anh Trần V cho rằng vợ chồng có tài sản chung nhưng chưa được chứng nhận quyền sử dụng đất nên nếu giải quyết ly hôn thì đề nghị chia tài sản chung cho 02 con chung. Yêu cầu của anh Trần V là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Nếu sau này anh Trần V có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

4/ Về án phí:

Chị Phạm Thị Thu H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0005124 ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Chị Phạm Thị Thu H đã nộp đủ tiền án phí.

5/ Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân

sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường